

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;


Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty cổ phần VBIC Sơn La ngày 21/5/2021 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 429/TTr-STNMT ngày 21/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần VBIC Sơn La (Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình khai thác: Nhà máy nước Bản Mòng, xã Hua La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Sản xuất nước sạch để cấp nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp. 

Phạm vi cấp nước: Các phường Quyết Thắng, Quyết Tâm, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, xã Chiềng Ngần thuộc thành phố Sơn La; các xã Chiềng Mung, khu vực Nà Sản, Chiềng Mai, Mường Bon, Mường Bằng thuộc huyện Mai Sơn.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Lấy từ hồ chứa nước Bản Mòng xây dựng trên suối Nậm La tại xã Hua La, thành phố Sơn La. Suối Nậm La là phụ lưu cấp 1 của suối Nậm Bú, phụ lưu cấp 2 của Sông Đà.

4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước: Từ cống lấy nước của hồ chứa nước Bản Mòng. Tọa độ cống lấy nước (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0): $X = 2353818,45$; $Y = 488734,99$

5. Chế độ khai thác: 24h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: Lưu lượng lớn nhất $27.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ tương đương $Q = 0,32 \text{ m}^3/\text{s}$.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Nước được dẫn bằng đường ống $\Phi 600$ từ cống lấy nước \rightarrow Nhà máy nước Bản Mòng \rightarrow Trạm bơm cấp 2 \rightarrow Khử trùng \rightarrow Tuyến ống truyền tải đầu nối với mạng lưới cấp nước đã có

- Các hạng mục xử lý nước của Nhà máy nước Bản Mòng: Thiết bị trộn + Bể phản ứng \rightarrow Bể lắng lamen \rightarrow Bể lọc áp lực \rightarrow Bể chứa

- Chế độ khai thác: 24h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

8. Thời hạn của giấy phép: 10 năm (mười năm) tính từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Công ty cổ phần VBIC Sơn La chỉ được phép khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

3. Tuân thủ phương án thiết kế, xử lý nước đảm bảo quy chuẩn hiện hành cho mục đích sử dụng.

4. Quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 28 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và Điều 11 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Lưu lượng khai thác.

- Chất lượng nước trong quá trình khai thác, cụ thể:

+ 01 điểm tại vị trí khai thác để đánh giá chất lượng nguồn nước; tần suất: 06 tháng/lần, giới hạn cho phép so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂; quan trắc các thông số đã cam kết tại Đề án khai thác, sử dụng nước mặt.

+ 01 điểm tại bể chứa nước sạch sau khi xử lý; tần suất, thông số, giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT hoặc qui chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi UBND tỉnh ban hành.

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Tài nguyên nước. Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.

6. Chịu sự kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Công ty cổ phần VBIC Sơn La có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

7. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

8. Nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công trình bắt đầu vận hành.

Điều 3. Công ty cổ phần VBIC Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần VBIC Sơn La còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, XD;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND thành phố Sơn La;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Công ty cổ phần VBIC Sơn La;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu